TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 172/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lập.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: ấp L, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn G, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh G chung sống vào năm 2003, hôn nhân hình thành do quen biết nhau trước, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 05/08/2008. Chị T và anh G chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, gia đình hai bên có hòa giải nhắc nhở

nhưng không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Lê Phạm Dĩ K, sinh ngày 27/4/2004, Lê Phạm Dĩ M, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Phạm Dĩ Th, sinh ngày 23/08/2008, hai con Dĩ K và Dĩ M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng Dĩ Th sống với cha hoặc mẹ thì chị đồng ý, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gởi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống. Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con như trong đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên cãi vã. Anh G không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là đã từ bỏ quyền lợi của anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh G đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị T được ly hôn với anh G là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Lê Phạm Dĩ K, sinh ngày 27/4/2004, Lê Phạm Dĩ M, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Phạm Dĩ Th, sinh ngày 23/08/2008, hai cháu Dĩ K và Dĩ M đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Dĩ Th đang sống với cha, cháu Th có ý kiến được sống

với cha nếu cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Th cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng T.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn với anh Lê Văn G.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Phạm Dĩ Th, sinh ngày 23/08/2008 cho anh Lê Văn G tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009059 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chị Phạm Thị Hồng T đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung